

# NGHĨA CỦA CÂU

---

## A – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Giúp HS :

- Nắm được những nội dung cơ bản về hai thành phần nghĩa của câu.
- Nhận ra và biết phân tích hai thành phần nghĩa của câu, diễn đạt được nội dung cần thiết của câu phù hợp với ngữ cảnh.

## B – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

### I – NỘI DUNG

#### 1. Đặc điểm bài học

– Nghĩa của câu là vấn đề ít được đề cập đến trong các tài liệu nghiên cứu và giảng dạy tiếng Việt, nhưng lại không thể thiếu đối với mỗi câu. Khi nói và viết một câu, bao giờ người ta cũng có ý muốn biểu hiện được những nghĩa nào đó. Nghĩa của câu được mọi người thường xuyên cảm nhận khi giao tiếp, nghĩa là khi nghe hoặc khi đọc, mọi người đều cảm nhận được theo thói quen, theo kinh nghiệm, nhưng cần được hiểu trên cơ sở lí luận khoa học. Bài này có mục đích giúp cho HS nhận thức một cách có cơ sở khoa học về vấn đề quen thuộc đó.

– Do đặc điểm trên, bài này đi theo hướng vừa quy nạp vừa diễn dịch : từ những ngữ liệu trong thực tế ngôn ngữ, HS phân tích ngữ liệu để xác định các thành phần trong nghĩa của câu, nhận ra bản chất các thành phần nghĩa đó ; đồng thời, do nghĩa là lĩnh vực trừu tượng, khó nắm bắt, nên khi phân tích những biểu hiện cụ thể của từng thành phần nghĩa, GV có thể diễn giải theo SGK và hướng dẫn HS phân tích các ví dụ minh họa, từ đó mà rèn luyện kĩ năng phân tích nghĩa, kĩ năng biểu hiện nghĩa.

#### 2. Trọng tâm bài học

Trọng tâm bài học là hai thành phần nghĩa của câu :

– Thành phần nghĩa thứ nhất là nghĩa sự việc (còn gọi là nghĩa miêu tả, nghĩa biểu hiện, nghĩa mệnh đề). Đó là nghĩa ứng với sự việc (hay gọi là sự kiện, sự tình, sự thể) trong hiện thực. Sự việc xảy ra trong hiện thực, được con người nhận thức và biểu hiện trong câu, trở thành nghĩa sự việc của câu. Mỗi câu thường biểu hiện một sự việc, nhưng cũng có thể biểu hiện một số sự việc.

– Thành phần nghĩa thứ hai là nghĩa tình thái. Đây là một loại nghĩa phức tạp và gồm nhiều phương diện, bài học chỉ giới hạn ở hai nội dung để nắm bắt :

+ Thái độ, sự đánh giá của người nói (người viết) đối với sự việc được đề cập đến trong câu.

+ Thái độ, tình cảm của người nói (người viết) đối với người nghe (người đọc).

Nghĩa tình thái có thể được biểu hiện tường minh (nhờ các từ ngữ), có thể hàm ẩn, nhưng câu nào cũng có nghĩa tình thái. Có thể có những câu không có nghĩa sự việc, nhưng vẫn có nghĩa tình thái. Ví dụ những câu cảm thán chỉ có thán từ :  
1. *Chao ôi !* 2. *Chà chà !* 3. *Ồi giờ đất ôi !*

GV yêu cầu HS nhớ lại (hoặc xem lại) bài học về thành phần tình thái trong *Ngữ văn 9*, tập hai. Ở bài học đó, khi trình bày về thành phần tình thái, sách đã nhắc gọi đến nghĩa tình thái và phân biệt với nghĩa sự việc của câu.

## II – PHƯƠNG PHÁP VÀ TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

### 1. Phương pháp dạy học

– Theo hướng quy nạp, thông qua phân tích ngữ liệu thực tế mà hình thành kiến thức. Các ngữ liệu đều quen thuộc, GV cho HS phân tích theo câu hỏi gợi ý rồi rút ra nhận xét, kết luận như ở phần *Ghi nhớ*.

– Sau khi đã hình thành kiến thức, thông qua các bài tập thực hành để mở rộng, củng cố kiến thức và rèn luyện kĩ năng. Cần rèn luyện cả kĩ năng lĩnh hội, phân tích nghĩa và kĩ năng biểu hiện nghĩa bằng câu cụ thể trong văn bản.

### 2. Tiến trình tổ chức dạy học

Lần lượt đi vào các mục trong bài học.

## TIẾT 1

### (I) Hai thành phần nghĩa của câu

– GV cho HS đọc và phân tích ngữ liệu : so sánh từng cặp câu. Hai câu trong mỗi cặp câu đều đề cập đến cùng một sự việc, nhưng thái độ đánh giá sự việc của người nói là khác nhau.

+ Ở cặp câu  $a_1 / a_2$ , cả hai câu đều nói đến sự việc Chí Phèo từng có thời *ao ước có một gia đình nho nhỏ*. Nhưng câu  $a_1$  kèm theo sự đánh giá chưa chắc chắn về sự việc (nhờ từ *hình như*), còn câu  $a_2$  đề cập đến sự việc như nó đã xảy ra.

+ Ở cặp câu  $b_1 / b_2$ , cả hai câu đều đề cập đến sự việc *người ta cũng bằng lòng (Nếu tôi nói)*, nhưng câu  $b_1$  thể hiện sự đánh giá chủ quan của người nói về

kết quả sự việc (sự việc có nhiều khả năng xảy ra), còn câu  $b_2$  chỉ đơn thuần đề cập đến sự việc.

Từ đó GV hướng HS đến nhận định về hai thành phần nghĩa của câu.

+ *Nhận xét* :

Khi nêu các nhận xét trong SGK, GV cần chú ý :

+ Nghĩa sự việc còn được gọi là nghĩa miêu tả (hay nghĩa biểu hiện, nghĩa mệnh đề).

+ Nghĩa sự việc và nghĩa tình thái luôn luôn hoà quyện với nhau, nhưng nghĩa tình thái có thể biểu hiện riêng rẽ và tường minh bằng các từ ngữ tình thái (thành phần tình thái). Hơn nữa có trường hợp tách riêng từ ngữ tình thái thành một câu độc lập. Lúc đó câu chỉ có nghĩa tình thái, mà không có nghĩa sự việc. Ngược lại, câu có nghĩa sự việc luôn kèm theo nghĩa tình thái.

+ Nghĩa tình thái là một loại nghĩa phức tạp, gồm nhiều khía cạnh, ở bài này chỉ nói đến hai khía cạnh : sự nhìn nhận, đánh giá của người nói đối với sự việc và thái độ, tình cảm của người nói đối với người nghe.

Những nhận xét đó được minh hoạ khi phân tích ví dụ :

***Dạ bẩm, thế ra y vẫn võ đều có tài cả. Chà chà !***

(Những từ ngữ được in đậm thể hiện nghĩa tình thái.)

## ***(2) Nghĩa sự việc***

– *Nhận xét chung* : Sự việc trong thực tế khách quan rất đa dạng. Hiện nay, các nhà ngôn ngữ học trên thế giới và ở nước ta vẫn chưa thống nhất ý kiến là có bao nhiêu loại sự việc và mỗi loại sự việc (còn gọi là sự tình, sự thể) có những đặc trưng nào.

SGK nêu ra một số loại sự việc thường được trình bày trong các tài liệu nghiên cứu ngôn ngữ. GV lưu ý HS : Sự việc không phải chỉ là những sự kiện, hiện tượng, những hoạt động có tính động, có diễn biến trong thời gian và không gian, mà có thể gồm cả các trạng thái tĩnh, hay những quan hệ giữa các sự vật.

– *Một số loại sự việc phổ biến* (tạo nên nghĩa sự việc của câu)

+ GV lần lượt nêu và gợi dẫn cho HS phân tích ví dụ về các sự việc, hành động, trạng thái, quá trình, tư thế, sự tồn tại, quan hệ. Chú ý ở loại sự việc tồn tại, có thể câu chỉ có hai bộ phận : động từ tồn tại (*có, còn, mất, hết,...*) và sự vật tồn tại (*khách, tiền, gạo, đệ tử, ông, tôi,...*), cũng có thể có thêm bộ phận thứ ba : nơi chốn hay thời gian tồn tại (*Trong nhà có khách.*). Ở vị trí động từ tồn tại có thể là động từ hay tính từ miêu tả cách thức tồn tại (*Ngoài song thỏ thè oanh vàng.*) nhưng đều có nghĩa cơ bản như động từ *có*.

+ Ở sự việc quan hệ thì có nhiều loại quan hệ : đồng nhất (*là*), sở hữu (*của*), so sánh để thấy sự giống nhau hay khác nhau (*như, giống, hết, tựa, khác,...*), nguyên nhân (*vì, tại, do, bởi,...*), mục đích (*để, cho,...*).

+ Trong câu, những từ ngữ tham gia biểu hiện nghĩa sự việc thường đóng các vai trò chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ, khởi ngữ, hoặc các thành phần phụ khác.

– GV yêu cầu HS đọc phần *Ghi nhớ* và nhập tâm.

## TIẾT 2

### (3) Nghĩa tình thái

– Phân tích biểu hiện của nghĩa tình thái ở hai phương diện phổ biến :

+ Phương diện thứ nhất : sự nhìn nhận, đánh giá và thái độ của người nói đối với sự việc được đề cập đến.

Cách phân tích : chú ý đến từ ngữ tình thái (in đậm). Nếu bỏ từ ngữ tình thái đi thì nghĩa tình thái thay đổi, hoặc so sánh các từ ngữ tình thái như *chắc / có lẽ, chỉ (mua) / (mua) nhưng, là cùng / là ít* (ít nhất), *không thể / có thể,...* sẽ thấy các nghĩa tình thái khác nhau.

Mỗi nghĩa tình thái cần phân tích bằng một hoặc hai ví dụ. GV có thể bổ sung thêm ví dụ thích hợp mà gần gũi với HS.

+ Phương diện thứ hai : tình cảm, thái độ của người nói với người nghe.

GV lưu ý HS đến các từ xưng hô, các từ gọi đáp, các từ tình thái ở cuối câu.

– GV yêu cầu HS đọc to phần *Ghi nhớ* và nhập tâm.

## III – KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

### TIẾT 1

#### *Bài tập 1*

– GV cho HS đọc bài *Câu cá mùa thu* ghi sẵn trên bảng phụ (hoặc giấy lớn).

– Phân tích nghĩa sự việc ở từng câu thơ (dòng thơ) :

Câu 1 diễn tả hai sự việc (*Ao thu lạnh lẽo / nước trong veo*) đều là các trạng thái.

Câu 2 : một sự việc – đặc điểm (*thuyền – bé*)

Câu 3 : một sự việc – quá trình (*sóng – gợn*)

Câu 4 : một sự việc – quá trình (*lá – đưa vèo*)

Câu 5 : hai sự việc { trạng thái (*tầng mây – lơ lửng*)  
đặc điểm (*trời – xanh ngắt*)

Câu 6 : hai sự việc { đặc điểm (*ngõ trúc – quanh co*)  
trạng thái (*khách – vắng teo*)

Câu 7 : hai sự việc – tư thế (*tựa gối, buông cần*)

Câu 8 : một sự việc – hành động (ở động vật đó là hoạt động cá – *đớp*)

### **Bài tập 2**

a) Nghĩa tình thái thể hiện ở các từ *kể, thực, đáng*. Các từ ngữ còn lại biểu hiện nghĩa sự việc. Nghĩa tình thái : công nhận sự *danh giá* là có *thực* nhưng chỉ thực ở một phương diện nào đó (từ *kể*), còn ở phương diện khác thì là điều *đáng sợ*.

b) Từ tình thái *có lẽ* thể hiện một phỏng đoán chỉ mới là khả năng, chưa hoàn toàn chắc chắn về sự việc (cả hai *chọn nhầm nghề*).

c) Câu có hai sự việc và hai nghĩa tình thái.

– Sự việc thứ nhất : *họ cũng phân vân như mình*. Sự việc này cũng chỉ được phỏng đoán chưa chắc chắn (từ *đễ* = có lẽ, hình như,...).

– Sự việc thứ hai : *mình cũng không biết rõ con gái mình có hư hay là không*. Người nói nhấn mạnh bằng ba từ tình thái *đến chính ngay* (mình).

### **Bài tập 3**

Cần chọn từ tình thái để điền vào chỗ trống. Chú ý đến sự phù hợp với phần nghĩa sự việc : nói đến một người có nhiều phẩm chất tốt (*biết kính mến khí phách, biết tiếc, biết trọng người có tài*) thì không phải là người xấu. Ở đây chỉ có thể là tình thái khẳng định mạnh mẽ, cho nên cần chọn từ *hẳn*.

## **TIẾT 2**

### **Bài tập 1**

a) – Nghĩa sự việc : hiện tượng thời tiết (*nắng*) ở hai miền (Bắc/Nam) có sắc thái khác nhau.

– Nghĩa tình thái : phỏng đoán với độ tin cậy cao (*chắc*).

b) – Nghĩa sự việc : ảnh là của *mợ Du* và *thằng Dũng*.

– Nghĩa tình thái : khẳng định sự việc ở mức độ cao (*rõ ràng là*).

c) – Nghĩa sự việc : *cái gông* (to nặng) tương xứng với tội án tử tù.

– Nghĩa tình thái : khẳng định một cách mỉa mai (*thật là*).



d) – Nghĩa sự việc của câu thứ nhất nói về nghề cướp giật của *hắn*. Tình thái nhấn mạnh bằng từ *chỉ*.

– Ở câu thứ ba : *Đã đành* là từ tình thái hàm ý miễn cưỡng công nhận một sự thực rằng *hắn mạnh vì liều* (nghĩa sự việc), nhưng cái *mạnh vì liều* ấy cũng không thể giúp *hắn* sống khi không còn sức cướp giật, dọa nạt.

### **Bài tập 2**

Các từ ngữ thể hiện nghĩa tình thái trong câu :

- a) *nói của đáng tội* (thừa nhận việc khen này là không nên làm với đứa bé)
- b) *có thể* (nêu khả năng)
- c) *những* (đánh giá mức độ giá cả là cao)
- d) *kia mà* (nhắc nhở để trách móc)

### **Bài tập 3**

Chọn các từ ngữ :

- a) Câu *a* : *hình như* (thể hiện sự phỏng đoán chưa chắc chắn)
- b) Câu *b* : *dễ* (thể hiện sự phỏng đoán chưa chắc chắn = có lẽ)
- c) Câu *c* : *tận* (đánh giá khoảng cách là xa)

### **Bài tập 4**

Đặt câu với từ ngữ tình thái. Đề bài chỉ cho từ ngữ tình thái, do đó phần nghĩa sự việc, HS hoàn toàn tự do lựa chọn, miễn là có sự phù hợp. Một số ví dụ :

- *Nó không đến cũng chưa biết chừng.* (cảnh báo dè dặt về sự việc)
- *Bây giờ chỉ 8 giờ là cùng.* (phỏng đoán mức độ tối đa)
- *Nghe nói hàng hoá sẽ giảm giá nay mai.* (nói lại lời người khác mà không tỏ thái độ riêng)
- *Chả lẽ nó làm việc này.* (chưa tin vào sự việc đã có một phần biểu hiện)
- *Cậu là con rể cơ mà !* (nhắc gợi để nhớ tới một sự thật)

## **IV – TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Diệp Quang Ban, *Ngữ pháp Việt Nam* (phần *Câu*), NXB Đại học Sư phạm Hà Nội, 2004.
2. Đỗ Hữu Châu – Bùi Minh Toán, *Đại cương ngôn ngữ học*, tập một, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2001.
3. Cao Xuân Hạo (Chủ biên), *Ngữ pháp chức năng tiếng Việt – Câu*, NXB Giáo dục, 2005.